

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM GDNN – GDTX DƯƠNG KINH

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: ĐỊA LÝ LỚP 10

Thời gian: 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TL)		Vận dụng (TL)		Vận dụng cao (TL)		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Phân môn Địa lí											
1	Chủ đề: Trái Đất	Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất	2								
		Thuyết kiến tạo mảng									
2	Chủ đề: Thạch quyển	Khái niệm thạch quyển	2								
		Nội lực và ngoại lực									
3	Chủ đề: Khí quyển	Khái niệm khí quyển	6			1* (a;b)		a*			
		Nhiệt độ không khí									
		Khí áp và gió									
		Mưa									
		Các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất									
4	Chủ đề: Thủy quyển	Khái niệm thủy quyển	4			1* (a;b)		a*			
		Nước trên lục địa									
		Nước biển và đại dương									
5	Chủ đề: Sinh quyển	Đất	2			1* (a;b)					
		Sinh quyển									
		Sự phân bố của đất và sinh vật trên Trái Đất					a*				
Tổng số câu			16			1 (a,b)		1 (a*)			
Tổng hợp chung			40%		40%		20%		0%		

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM GDNN – GDTX DƯƠNG KINH

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: ĐỊA LÝ LỚP 10

Thời gian: 45 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Địa lí							
1	Trái Đất (0,5 điểm)	Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất – Thuyết kiến tạo mảng	Nhận biết – Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng.	2			
2	Thạch quyển (0,5 điểm)	– Khái niệm thạch quyển – Nội lực và ngoại lực	Nhận biết – Trình bày được khái niệm thạch quyển. – Trình bày được khái niệm nội lực, ngoại lực.	2			
3	Khí quyển (3,5 điểm)	– Khái niệm khí quyển – Nhiệt độ không khí – Khí áp và gió – Mưa – Các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất	Nhận biết – Nêu được khái niệm khí quyển. – Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình. – Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương. – Trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. – Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất.	6			

			Thông hiểu – Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên thế giới. Vận dụng – Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa). – Phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. Vận dụng cao – Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.		1* (a;b)	1 (a*)	
4	Thủy quyển (3,0 điểm) – Khái niệm thủy quyển – Nước trên lục địa – Nước biển và đại dương	Nhận biết – Nêu được khái niệm thủy quyển. – Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương. – Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm. Thông hiểu – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông. – Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành. – Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt. – Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều. – Trình bày được chuyển động của các dòng	4	1 *(a;b)	1 (a*)		

			biển trong đại dương. – Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội. Vận dụng – Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể. – Vẽ được sơ đồ; phân tích được bản đồ và hình vẽ về thủy quyền.				
5	Sinh quyển (2,5 điểm)	– Đất – Sinh quyển – Sự phân bố của đất và sinh vật trên Trái Đất	Nhận biết – Trình bày được khái niệm về đất. – Trình bày được khái niệm sinh quyển. Thông hiểu - Phân biệt được lớp vỏ phong hoá và đất. - Trình bày được các nhân tố hình thành đất. - Phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. Vận dụng – Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới. Vận dụng cao – Liên hệ được thực tế ở địa phương về các nhân tố hình thành đất. – Liên hệ được thực tế về đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật ở địa phương.	2	1* (a;b)	1 (a*)	
Số câu/ loại câu				16 câu TNKQ	1 câu TL (a; b)	1 câu (a) TL	
Tổng hợp chung				40%	40%	20%	0%

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2023 – 2024

MÔN: ĐỊA LÝ 10

Thời gian làm bài: 45 phút

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (4,0 ĐIỂM)

Câu 1: Vỏ Trái Đất ở lục địa có độ dày là

- A. 70 km. B. 5 km. C. 2900 km. D. 3470 km.

Câu 2: Mảng kiến tạo nào sau đây nằm hoàn toàn ở bán cầu Bắc?

- A. Bắc Mỹ. B. Phi. C. Nam Mỹ. D. Ấn Độ- Ôxtrâylia

Câu 3: Nội lực là lực phát sinh từ

- A. bên ngoài Trái Đất. B. bên trong Trái Đất.
C. trên bề mặt Trái Đất. D. quá trình phong hóa.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây **không đúng** về khái niệm thạch quyển?

- A. Thạch quyển gồm vỏ Trái Đất và phần cứng mỏng phía trên của manti.
B. Thạch quyển có độ dày khoảng 100km, được cấu tạo bằng các loại đá khác nhau.
C. Ranh giới bên dưới của thạch quyển tiếp xúc với lớp quánh dẻo của manti.
D. Bao quanh Trái Đất và chịu ảnh hưởng của vũ trụ và trước hết là Mặt Trời.

Câu 5: Tầng khí quyển nào sau đây nằm sát mặt đất?

- A. Bình lưu. C. Đối lưu.
B. Tầng giữa. D. Tầng nhiệt.

Câu 6: Loại gió nào sau đây thổi gần như quanh năm từ áp cao chí tuyến về áp thấp xích đạo?

- A. Gió Mậu dịch. B. Gió Tây ôn đới. C. Gió mùa. D. Gió Phơn.

Câu 7: Gió Tây ôn đới thổi trong khoảng vĩ độ nào sau đây?

- A. 30⁰B đến 60⁰B. B. 0⁰B đến 30⁰B.
C. 60⁰B đến 90⁰B. D. 0⁰N đến 30⁰N.

Câu 8: Gió Đông cực thổi trong khoảng vĩ độ nào sau đây?

- A. 30⁰B đến 60⁰B. B. 0⁰B đến 30⁰B.
C. 60⁰B đến 90⁰B. D. 0⁰N đến 30⁰N.

Câu 9: Theo vĩ độ, khu vực nào có lượng mưa trung bình năm lớn nhất?

- A. Xích đạo. B. Chí tuyến. C. Ôn đới. D. Cực.

Câu 10: Đới khí hậu nào sau đây nằm hoàn toàn trong phạm vi từ chí tuyến bắc đến chí tuyến nam?

- A. Xích đạo. B. Nhiệt đới. C. Cận nhiệt. D. Ôn đới.

Câu 11: Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất **không** bao gồm

- A. nước trong các biển, đại dương. B. nước trên lục địa.

C. hơi nước trong khí quyển.

D. lượng mưa hàng năm.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây đúng về nước ngầm.

A. Tồn tại ở trạng thái rắn.

B. Tập trung chủ yếu ở cực.

C. Do nước trên mặt thấm xuống.

D. Rải rác trên đỉnh núi cao.

Câu 13: Độ muối cao nhất thuộc các biển và đại dương ở khu vực nào sau đây?

A. Xích đạo.

B. Chí tuyến.

C. Ôn đới.

D. Gần cực.

Câu 14: Nhiệt độ nước biển có xu hướng

A. tăng dần từ Xích đạo về hai cực.

B. giảm dần từ Xích đạo về hai cực.

C. tăng dần từ Xích đạo về chí tuyến sau đó giảm dần về hai cực.

D. giảm dần từ Xích đạo về chí tuyến sau đó tăng dần về hai cực.

Câu 15: Đất là lớp vật chất tơi xốp

A. trên bề mặt lục địa.

C. nằm dưới tầng đá mẹ.

B. nằm dưới tầng đá gốc.

D. trên bề mặt băng tuyết.

Câu 16: Đặc trưng quan trọng của đất là

A. độ dày.

B. màu sắc.

C. tuổi đất.

D. độ phì.

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)

Câu 1: (3,0 điểm)

a. Trình bày vai trò của nhân tố khí hậu, sinh vật trong việc hình thành đất?

b. Trình bày các giải pháp để bảo vệ nguồn nước ngọt?

Câu 2: (3,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

Lượng mưa trung bình năm ở các vĩ độ khác nhau (đơn vị: mm)

Vĩ độ	0-10 ⁰	20-30 ⁰	40-50 ⁰	60-70 ⁰
Lượng mưa ở bán cầu Bắc	1677	513	561	340
Lượng mưa ở bán cầu Nam	1872	607	868	100

a. Nhận xét sự phân bố lượng mưa trung bình năm ở các vĩ độ khác nhau của bán cầu Bắc và bán cầu Nam.

b. Vì sao ở bán cầu Nam có lượng mưa trung bình lớn hơn so với bán cầu Bắc?

----- HẾT -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM GDNN – GDTX DƯƠNG KINH

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN ĐỊA LÍ LỚP 10**

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (4,0 ĐIỂM)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	B	C	B	D	A	A
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	D	A	C	C	B	B	A	D

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1	a	<i>Trình bày vai trò của nhân tố khí hậu, sinh vật trong việc hình thành đất?</i>	1,50
		- Khí hậu + Nhiệt ẩm làm phá hủy đá gốc tạo ra các sản phẩm phong hóa và hình thành đất. + Nhiệt, ẩm ảnh hưởng đến sự hòa tan, rửa trôi, tích tụ vật chất trong các tầng đất. + Khí hậu ảnh hưởng gián tiếp đến hành thành đất thông qua lớp phủ thực vật. - Sinh vật đóng vai trò chủ đạo: + Cung cấp chất dinh dưỡng cho đất. + Sinh vật tham gia vào quá trình phá hủy đá. + Ngăn chặn xói mòn, rửa trôi đất.	
	b	<i>Trình bày các giải pháp chủ yếu hiện nay nhằm bảo vệ nguồn nước ngọt?</i>	1,50
		- Giữ sạch nguồn nước, tránh ô nhiễm nguồn nước ngọt. - Không thải nước thải sinh hoạt, sản xuất trực tiếp ra môi trường - Sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí. - Trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn. - Phân phối lại nguồn nước ngọt trên thế giới	0,50
		- Các giải pháp khác.	1,00
2	a	<i>Nhận xét sự phân bố lượng mưa trung bình năm ở các vĩ độ khác nhau của bán cầu Bắc và bán cầu Nam</i>	2,00
		- Tại các vĩ độ địa lí khác nhau có lượng mưa trung bình khác nhau (dẫn chứng). - Lượng mưa trung bình ở hai bán cầu khác nhau: bán cầu Nam lớn hơn bán cầu Bắc (dẫn chứng).	1,00 1,00
	b	<i>Vì sao ở bán cầu Nam có lượng mưa trung bình lớn hơn so với bán cầu Bắc?</i>	1,00
		- Lượng mưa trung bình ở hai bán cầu khác nhau do ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau. Đặc biệt là do ảnh hưởng của biển và đại dương, dòng biển nóng và dòng biển lạnh. - Bán cầu Nam có diện tích biển và đại dương lớn hơn so với bán cầu Bắc, chịu ảnh hưởng của các dòng biển nóng ...	0,50 0,50

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

NGƯỜI RA ĐỀ

Tô Thị Hằng